TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**
Số: 84/2024/QĐST-HNGĐ	*TP. Bạc Liêu, ngày 04 tháng 04 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 95/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 03 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Ngọc D**, sinh năm 2003. Địa chỉ: ấp 1, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Anh **Lê Kim L**, sinh năm 2000. Địa chỉ: Khóm 6, Phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 03 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 03 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Ngọc D với anh Lê Kim L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Ngọc D với anh Lê Kim L.

2.2. Về con chung: Giao cháu Lê Ngọc Trâm A, sinh ngày 27/6/2019 cho chị Nguyễn Ngọc D được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; hiện nay cháu Lê Ngọc Trâm A đang sống chung với chị Nguyễn Ngọc D, nên được giữ nguyên.

Anh Lê Kim L có quyền và nghĩa vụ thăm nom cháu cháu Lê Ngọc Trâm A mà không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Lê Kim L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Ngọc Trâm Anh, với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng mỗi tháng kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật (ngày 04/04/2024) cho đến khi cháu Lê Ngọc Trâm Anh đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.4. Về tài sản chung: Không có, không đặt ra xem xét, giải quyết.

2.5. Về nợ chung: Không có, không đặt ra xem xét, giải quyết.

2.6. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 150.000 đồng, chị Nguyễn Ngọc D tự nguyện chịu toàn bộ. Chị Dung đã nộp tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 450.000 đồng theo Biên lai thu số 0002469 ngày 12/03/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí số tiền 150.000 đồng, chị Nguyễn Ngọc D được nhận lại số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

- Án phí cấp dưỡng nuôi con số tiền 150.000 đồng, buộc anh Lê Kim L phải chịu toàn bộ, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

2.7. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thành phố B, tỉnh Bạc Liêu;
- Chi Cục THADS thành phố B, tỉnh Bạc Liêu;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Quốc Trung